

Số: **07** /2020/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

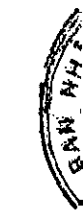
Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 18/4/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các Tờ trình: số 8396/TTr-STC ngày 12/12/2019; số 1395/TTr-STC ngày 12/3/2020 về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội”.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **09** tháng **4** năm **2020** và thay thế Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND Thành phố ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn dự án cải tạo, sửa chữa sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể thuộc Thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr Thành ủy, TTr HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CV, Trung tâm TH công báo Thành phố;
- Lưu: VT, KT. *NSH*

30

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *M***



Nguyễn Đức Chung

QUY ĐỊNH

Về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội, gồm:

a) Sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất hiện có của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội nhằm phục hồi hoặc tăng giá trị tài sản cố định.

b) Sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản nhà nước thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, kinh tế xã hội của Thành phố.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với:

a) Các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

b) Xây dựng mới công trình hoặc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có.

c) Các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

d) Các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng sử dụng nguồn vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (phần để chi thường xuyên) của các đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị tổ chức thực hiện theo Khoản 2 Điều 60 Luật Xây dựng và các quy định pháp luật liên quan.

e) Các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có tính đặc thù được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng.

3. Sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng: Đơn vị quản lý, sử dụng công trình thực hiện theo quy định tại điểm a) Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các hội được ngân sách thành phố đảm bảo, hỗ trợ kinh phí hoạt động.
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đối với dự án

1. Các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất khi triển khai thực hiện phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.
2. Các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về: quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý ngân sách nhà nước; bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.
3. UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng đối với các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, kinh tế xã hội và phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn chi thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp.
2. Nguồn thu phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên.
3. Các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật để chi thường xuyên.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Hàng năm, để chuẩn bị cho năm kế hoạch tiếp theo, căn cứ hiện trạng và mức độ xuống cấp của công trình, đơn vị quản lý, sử dụng công trình rà soát, đề xuất danh mục dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, gửi cơ quan chủ quản (nếu có) tổng hợp, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/6 để kiểm tra, trình UBND cùng cấp xem xét, phê duyệt. Trường hợp cần thiết đề xuất dự án sau ngày 30/6, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo rõ sự cần thiết gửi UBND cùng cấp xem xét, quyết định.

Nội dung văn bản đề xuất danh mục của các đơn vị bao gồm các nội dung khái quát về hiện trạng, mức độ xuống cấp của công trình; dự kiến quy mô đầu tư; đề xuất đơn vị chủ đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án; khái toán kinh phí chuẩn bị dự án và các nội dung khác có liên quan.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

11

Việc đề xuất đơn vị làm chủ đầu tư dự án phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng và Điều 4 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Trường hợp dự án có sơ bộ tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng, chủ đầu tư căn cứ văn bản phê duyệt danh mục dự án (chủ trương đầu tư) của UBND các cấp triển khai công tác chuẩn bị dự án theo quy định.

3. Trường hợp dự án có sơ bộ tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên, căn cứ danh mục dự án được UBND các cấp phê duyệt, đơn vị lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định, trình UBND cùng cấp xem xét, quyết định phê duyệt, làm căn cứ triển khai công tác chuẩn bị dự án.

a) Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gồm các nội dung: sự cần thiết đầu tư (báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng công trình; hiện trạng, mức độ xuống cấp của công trình; nhu cầu đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các nội dung khác liên quan); tên dự án, địa điểm, chủ đầu tư và đơn vị đại diện chủ đầu tư (nếu có); mục tiêu đầu tư và dự kiến quy mô đầu tư; hiệu quả đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án; nội dung công việc phải triển khai trong giai đoạn chuẩn bị dự án, khái toán kinh phí chuẩn bị dự án và thời gian dự kiến hoàn thành chuẩn bị dự án;

- Các tài liệu khác có liên quan.

b) Thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư:

Cơ quan thẩm định: cơ quan Tài chính các cấp là đầu mối tiếp nhận, thẩm định nội dung hồ sơ, báo cáo UBND cùng cấp xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết để đảm bảo đầy đủ thông tin phục vụ công tác thẩm định, cơ quan thẩm định lấy ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan về các nội dung trong hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư. Thời hạn các đơn vị tham gia ý kiến không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định (kèm theo đầy đủ hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án). Các đơn vị được lấy ý kiến chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật về nội dung tham gia của đơn vị mình.

Nội dung thẩm định: sự cần thiết đầu tư; tên dự án, địa điểm, chủ đầu tư và đơn vị đại diện chủ đầu tư (nếu có); mục tiêu đầu tư và dự kiến quy mô đầu tư; hiệu quả đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án; nội dung công việc phải triển khai trong giai đoạn chuẩn bị dự án, khái toán kinh phí chuẩn bị dự án và thời gian dự kiến hoàn thành chuẩn bị dự án.

Thời gian thẩm định: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan, thời gian thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư:

UBND các cấp xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Nội dung Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: tên dự án, địa điểm, chủ đầu tư và đơn vị đại diện chủ đầu tư (nếu có); mục tiêu và dự kiến quy mô đầu tư, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án; nội dung công việc phải triển khai trong giai đoạn chuẩn bị dự án, khái toán kinh phí chuẩn bị dự án và thời gian dự kiến hoàn thành chuẩn bị dự án.

4. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án:

a) Trường hợp không thay đổi quy mô đầu tư của dự án nhưng giá trị tổng mức đầu tư tại bước phê duyệt dự án cao hơn giá trị sơ bộ tổng mức đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; thay đổi các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: chủ đầu tư (cơ quan chủ quản của chủ đầu tư, nếu có) báo cáo UBND cùng cấp xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi tổ chức phê duyệt dự án theo quy định.

b) Trường hợp thay đổi quy mô đầu tư của dự án: chủ đầu tư đề xuất phương án điều chỉnh, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định, trình UBND cùng cấp xem xét, điều chỉnh Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

5. Các trình tự, thủ tục tiếp theo của dự án trong các giai đoạn: chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng; các quy định về chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và các quy định khác có liên quan: thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Điều 6. Bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Điều kiện bố trí kinh phí:

Hàng năm, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thực hiện trong năm kế hoạch và các quy định tại văn bản này, cơ quan, đơn vị trực thuộc lập dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình và gửi cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp I - nếu có) để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan Tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Điều kiện bố trí kinh phí cụ thể như sau:

a) Đối với sửa chữa, bảo trì công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng:

Có Kế hoạch sửa chữa và Dự toán chi phí sửa chữa do đơn vị quản lý, sử dụng công trình phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, bảo trì công trình xây dựng. Kế hoạch sửa chữa gồm các nội dung: tên công trình, bộ phận công trình cần sửa chữa, lý do sửa chữa, mục tiêu sửa chữa, khối lượng sửa chữa, dự kiến kinh phí sửa chữa, thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

11/01/2018

b) Đối với dự án sửa chữa bảo trì công trình có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên hoặc dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng:

- Kinh phí chuẩn bị dự án: Có văn bản phê duyệt danh mục của cấp có thẩm quyền và dự toán kinh phí chuẩn bị dự án do cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 18/4/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng phê duyệt (đối với dự án có tổng mức đầu tư dự kiến dưới 5 tỷ đồng) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền (đối với dự án có tổng mức đầu tư dự kiến từ 5 tỷ đồng trở lên).

- Kinh phí thực hiện dự án: Có quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các dự án theo quy định chi yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền hoặc báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (sở quản lý xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện), cơ quan chuyên môn được phân cấp thẩm định dự án theo quy định trước ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch. Trường hợp mới có báo cáo thẩm định dự án thì phải có quyết định đầu tư trước khi UBND các cấp trình HĐND cùng cấp phê duyệt phân bổ ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Thời hạn phân bổ dự toán của ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí:

a) Việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí dự án trong năm kế hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch kinh phí được thực hiện trước ngày 15/11 năm hiện hành.

b) Điều kiện bố trí kinh phí cho dự án mới phát sinh:

- Kinh phí chuẩn bị dự án: Có văn bản phê duyệt danh mục của cấp có thẩm quyền và dự toán kinh phí chuẩn bị dự án do cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án có tổng mức đầu tư dự kiến dưới 5 tỷ đồng) hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền (đối với dự án có tổng mức đầu tư dự kiến từ 5 tỷ đồng trở lên);

- Kinh phí thực hiện dự án: Có quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các dự án theo quy định chi yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

Điều 7. Bố trí kinh phí dự án từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên; các nguồn vốn khác để chi thường xuyên

1. Việc bố trí kinh phí dự án từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy định về chế độ tự chủ của các cơ quan hành chính nhà nước tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, các văn bản pháp luật khác liên quan và phải đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

2. Việc bố trí kinh phí dự án từ các nguồn vốn khác để chi thường xuyên thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, đối với các dự án đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND Thành phố ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn dự án cải tạo, sửa chữa sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách thành phố Hà Nội được thực hiện như sau:

- Dự án đã có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định pháp luật.

- Dự án đã được UBND các cấp phê duyệt danh mục thì thực hiện các bước tiếp theo theo Quy định này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp có vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Đức Chung

NH
PHỐ
HÀ
NỘI

ak